

Số: 05 /2024/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 29 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quyết định về công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 1/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ Quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị
định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác Thi đua,
khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2024 và thay
thế Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Ban TĐKT Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Phòng III, TĐKT Trung ương;
- Báo Điện Biên Phủ, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

Về công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Kèm theo Quyết định số **05** /2024/QĐ-UBND ngày **29** tháng **03** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết thi hành khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022 và cụ thể một số Điều của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Quy định).

2. Những nội dung khác về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 1/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức khác được thành lập và hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Điện Biên (gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương); cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng và các hoạt động khác trên địa bàn tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Điều 3. Quy định chung về thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, Điều 1 Thông tư số 1/2024/TT-BNV và những nội dung sau:

1. Quan tâm khen thưởng đối với: cá nhân năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tập thể nhỏ, người lao động, nhà khoa học, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân, đội ngũ giáo viên, y bác sĩ có thành tích tiêu biểu xuất sắc công tác tại địa bàn biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; cá nhân là người đồng bào dân tộc thiểu số, nông dân, công nhân, người yếu thế có ý chí tự lực tự cường vươn lên; các doanh nghiệp, doanh nhân sản xuất, kinh doanh giỏi, làm tốt công tác giải quyết việc làm, tạo sinh kế cho người lao động, người dân, tích cực tham gia hoạt động từ thiện; các cá nhân, tập thể người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài có đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh.

2. Chỉ xét khen thưởng đối với tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể có kết quả đánh giá tổ chức Đảng, đoàn thể mức “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên (bao gồm trường hợp tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể sinh hoạt ghép). Riêng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của tỉnh” và hình thức khen thưởng: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập phải có kết quả đánh giá tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

3. Khi đề nghị khen thưởng cho cá nhân, tập thể là người đứng đầu các tổ chức kinh tế, đơn vị sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động, thực hiện các quy định về môi trường phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền về việc thực hiện các nội dung trên trong khoảng thời gian báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

4. Khi tổ chức phong trào thi đua các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương gửi Kế hoạch tổ chức phát động về Ủy ban nhân dân tỉnh qua Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp, đối chiếu thẩm định hồ sơ khen thưởng. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền khi tổ chức sơ kết, tổng kết và lựa chọn cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Khi trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân là lãnh đạo quản lý cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Thi đua, khen thưởng, đồng thời lấy ý kiến đề khen thưởng theo phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ của tỉnh.

6. Không đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước khi tổng kết thực hiện Luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế, khu vực, trừ thành tích phục vụ hội nghị, diễn đàn quốc tế, khu vực phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.

7. Không trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho đối tượng không do tỉnh quản lý chuyên môn theo ngành dọc.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh;

b) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lao động, sản xuất đạt hiệu quả;

b) Có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

Điều 5. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

a) Cấp tỉnh: Các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc các đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

b) Cấp huyện: Các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc cấp huyện; các phòng, ban, đơn vị và tương đương trực thuộc cơ quan, đơn vị cấp huyện; các xã, phường, thị trấn;

c) Các phòng, ban, xí nghiệp, phân xưởng và tương đương thuộc Doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác.

Điều 6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

a) Cấp tỉnh: Các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

b) Cấp huyện: Các phòng, ban và tương đương, các đơn vị trực thuộc cấp huyện; các xã, phường, thị trấn;

c) Khoa, phòng và tương đương thuộc các trường chuyên nghiệp của tỉnh, trường chuyên nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Khoa, phòng và tương đương thuộc các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế;

d) Phòng, ban, xí nghiệp, phân xưởng và tương đương thuộc doanh nghiệp có cổ phần vốn nhà nước tham gia cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập (*không bao gồm các doanh nghiệp thuộc tổng công ty, tập đoàn*).

Điều 7. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng hằng năm cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hoặc ủy quyền thành lập đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

b) Tích cực tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế của cụm, khối thi đua; được cụm, khối thi đua bình xét, lựa chọn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào thi đua theo hướng dẫn khen thưởng đối với từng phong trào do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật của tỉnh;

d) Có thành tích đóng góp, hỗ trợ, làm công tác an sinh xã hội, từ thiện, nhân đạo trên địa bàn tỉnh bằng tiền hoặc hiện vật có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên hoặc vận động quyên góp giá trị từ 200 triệu đồng trở lên (thành tích được cộng dồn nếu đóng góp nhiều lần trong 01 năm);

đ) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong những tiêu chuẩn sau:

a) Nông dân lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên mang lại lợi nhuận từ 100 triệu đồng/năm trở lên, giúp đỡ được ít nhất 02 hộ nông dân khác phát triển kinh tế hoặc tạo việc làm có thu nhập ổn định cho 02 lao động trở lên;

b) Công nhân làm việc trong các doanh nghiệp, thành viên hợp tác xã lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất hoặc có từ 01 sáng kiến, giải pháp trở lên mang lại lợi ích, có phạm vi ảnh hưởng trong doanh nghiệp, hợp tác xã và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Người lao động lập được nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ công tác, có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị và có 02 năm liên được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tặng giấy khen.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác xã hội từ thiện, nhân đạo;

d) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số;

đ) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc được bình xét, đề xuất trong cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a,

b, d khoản 3 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của địa phương được tỉnh công nhận.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị 100 triệu đồng trở lên.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trên toàn ngành, lĩnh vực, địa phương;

b) Tập thể, cá nhân đạt giải tại cuộc thi, hội thi, hội diễn, giải thưởng cấp khu vực, quốc gia và đạt một trong các giải nhất, nhì, ba hoặc tương đương; cấp quốc tế, đạt một trong các giải nhất, nhì, ba, khuyến khích hoặc tương đương (trừ trường hợp đã được bộ, ngành trung ương khen thưởng); cấp tỉnh đạt giải nhất hoặc tương đương (có Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ủy quyền tổ chức). Trường hợp tập thể, cá nhân đạt giải cao ở nhiều nội dung trong một cuộc thi thì chỉ được xét khen thưởng cho thành tích cao nhất;

c) Cá nhân có thành tích huấn luyện, hướng dẫn, bồi dưỡng cho vận động viên, học sinh, sinh viên đạt giải nhất, nhì, ba hoặc tương đương trong các kỳ thi, hội thi cấp khu vực, quốc gia hoặc giải nhất, nhì, ba và tương đương trong các kỳ thi, hội thi cấp quốc tế có số lượng từ 05 giải trở lên. Trường hợp có từ 02 người tham gia huấn luyện, hướng dẫn, bồi dưỡng trong cùng bộ môn hoặc cùng nội dung tính thành tích cho người có thời gian huấn luyện, hướng dẫn, bồi dưỡng nhiều hơn.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống là các năm tròn (năm tròn là số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là "0") cho tập thể, cá nhân (đang công tác và có thời gian ít nhất 05 năm trong ngành, lĩnh vực, địa phương), gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, có đóng góp tích cực cho sự phát triển của tỉnh, cụ thể:

a) Các ban, sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội; các hội đặc thù, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội viên dưới 100 không quá 01 tập thể, 02 cá nhân; từ 100 đến dưới 500 không quá 02 tập thể, 03 cá nhân; từ 500 trở lên không quá 03 tập thể, 05 cá nhân;

b) Các huyện, thị xã, thành phố, lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh không quá 02 tập thể, 05 cá nhân;

c) Các doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, không quá 01 tập thể, 01 cá nhân;

d) Đơn vị trực thuộc các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; các xã, phường, thị trấn; đơn vị trực thuộc cơ quan ngành dọc, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Số lượng không quá 01 tập thể, 01 cá nhân;

đ) Ngoài quy định nêu trên các trường hợp khác được xét, tặng Bằng khen khi được sự nhất trí bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc khi tổ chức Đại hội, tổng kết nhiệm kỳ khi có chủ trương của Tỉnh ủy và ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen tối đa cho không quá 02 tập thể, 05 cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất trong thực hiện phong trào thi đua theo chuyên đề do cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tổ chức có thời gian thực hiện ít nhất 06 tháng trở lên. Trường hợp phong trào thi đua có thời gian thực hiện dài, phạm vi ảnh hưởng, đối tượng rộng, sức lan tỏa lớn được xem xét khen thưởng vượt quá số lượng khi có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp trong xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh. Tiền thưởng có thể quy đổi bằng tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương ứng mức tiền thưởng.

11. Các trường hợp khác, giao cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 9. Giấy khen

1. Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

c) Có đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành hoặc phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo được cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương ghi nhận;

d) Được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến hoặc được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở; tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong những tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua;
- b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;
- c) Lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố, phân xưởng, tổ, đội; tích cực tham gia công tác xã hội hoặc giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao tay nghề;
- d) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên, tích cực học hỏi, tham gia giúp đỡ chia sẻ kinh nghiệm với các hộ nông dân khác hoặc tạo công việc và thu nhập ổn định cho 01 lao động trở lên.

3. Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;
- c) Có đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành hoặc phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo được cơ quan, đơn vị, địa phương ghi nhận;
- d) Được cấp có thẩm quyền xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức có hiệu quả các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

4. Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 30 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng (thành tích được cộng dồn nếu đóng góp nhiều lần trong 01 năm).

5. Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương để tặng cho tập thể, cá nhân trực tiếp huấn luyện, bồi dưỡng hoặc tham gia đạt thành tích cao tại các hội thi, hội thao, hội diễn, giải thưởng cấp tỉnh, khu vực, quốc gia, quốc tế (trừ đối tượng tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh). Tiêu chuẩn cụ thể do cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quy định.

6. Các trường hợp khác cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trong phạm vi, quyền hạn của mình, căn cứ vào tình hình thực tế để quy định chi tiết, hướng

dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý.

7. Việc tặng thưởng bằng hình thức Bằng khen của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh thực hiện theo quy định của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội cấp trung ương.

Chương IV

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 10. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền cho ý kiến bằng văn bản theo quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11 Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và theo phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ của tỉnh.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm công khai danh sách cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng Huân chương và danh hiệu vinh dự Nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng trên các phương tiện truyền thông của tỉnh (Báo, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Đài phát thanh - truyền hình...) ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (trừ trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản). Việc lấy ý kiến của Nhân dân trên phương tiện thông tin truyền thông và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (tại kỳ họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) và được nêu trong Biên bản xét khen thưởng của tỉnh.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn hiện hành trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định khen thưởng.

4. Số lượng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gồm 02 bộ bản chính và các tệp tin điện tử của hồ sơ (trừ hồ sơ khen thưởng chứa nội dung bí mật nhà nước).

Điều 11. Lấy ý kiến đề khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến đề khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm

a) Lấy ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Thanh tra tỉnh đối với cá nhân, tập thể thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; lấy ý kiến của Công an

tỉnh, Thanh tra tỉnh đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế về chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong trường hợp đề nghị với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; cờ thi đua, bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh khen cụm, khối thi đua.

b) Trường hợp cần thiết lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan đối với đề nghị khen thưởng cơ quan, tổ chức và người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố về việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước hoặc cơ quan có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung kết quả tham mưu nhiệm vụ chính trị được giao (đối với tập thể), kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao (đối với cá nhân) trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời gian trả lời, nội dung được lấy ý kiến. Trường hợp không có văn bản trả lời theo đề nghị, Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

Điều 12. Thời gian nhận hồ sơ, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

1. Thời gian Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh:

a) Khen thưởng công trạng

Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức khác (bao gồm Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo): Hồ sơ gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 31 tháng 01 hằng năm.

Các đơn vị thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; khối trường chuyên nghiệp: Hồ sơ gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 31 tháng 7 hằng năm.

b) Khen thưởng phong trào thi đua: Hồ sơ gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trước ngày dự kiến tổ chức trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc.

c) Khen thưởng đột xuất: Hồ sơ gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trong thời gian 03 ngày kể từ ngày lập được thành tích;

d) Khen thưởng cụm, khối thi đua của tỉnh: Hồ sơ gửi về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 31 tháng 01 hằng năm.

2. Thời gian Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

a) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất trước 15 tháng 9 hằng năm.

b) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 15 tháng 02 hằng năm. Đối với hệ thống giáo dục quốc dân chậm nhất ngày 15 tháng 9 hằng năm.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích chuyên đề thực hiện theo hướng dẫn sơ kết, tổng kết;

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trong thời gian 10 ngày kể từ ngày lập được thành tích.

3. Thời gian thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

a) Đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) thực hiện thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời gian quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP;

b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trong thời gian 07 ngày làm việc, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) thông báo bằng văn bản trả lại hồ sơ đề nghị khen thưởng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trình khen thưởng;

c) Trường hợp đã trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng nhưng không khen thưởng, trong 10 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của cấp có thẩm quyền, Sở Nội vụ thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng tới cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

d) Sau khi nhận được Quyết định khen thưởng cấp tỉnh, trong thời hạn 10 ngày làm việc Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) cấp phát hiện vật khen thưởng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trình khen thưởng.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 13. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do Thủ trưởng cơ quan cấp đó quyết định và giao cho cơ quan quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện. Cơ quan được giao quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.

3. Các cá nhân, tập thể, hộ gia đình được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, tiền thưởng chi thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh và hạch toán chi thành mục riêng.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì từ Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 14. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 49 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác có trách nhiệm thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp mình để tham mưu, tư vấn về thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu hướng dẫn, triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh và cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành; cụ thể hóa thành quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương đối với những nội dung thuộc thẩm quyền đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn để đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện công tác khen thưởng đúng quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.